

CHÍNH PHỦ  
Số: 45/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 1998

**NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ**  
***Quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ***

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**CHƯƠNG I**

**CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

1. Nghị định này quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ nhằm hướng dẫn thi hành các quy định tại Chương III, phần thứ sáu của Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995.

2. Các quy định về chuyển giao công nghệ trong Bộ luật Dân sự và Nghị định này được áp dụng đối với:

- Việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
- Chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư nước ngoài dưới dạng góp vốn bằng giá trị công nghệ hoặc mua công nghệ trên cơ sở Hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ trong nước có tính chất thương mại giữa các Bên tham gia Hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.

3. Phần chuyển giao công nghệ trong Hợp đồng nhập thiết bị hoặc Hợp đồng chuyển giao công nghệ kèm theo Hợp đồng nhập thiết bị phải tuân theo Nghị định này.
4. Việc chuyển giao công nghệ trong khuôn khổ các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo các điều ước quốc tế đó.

## **Điều 2.** Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. "Chuyển giao công nghệ" là hình thức mua và bán công nghệ trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được thoả thuận phù hợp với các quy định của pháp luật. Bên bán có nghĩa vụ chuyển giao các kiến thức tổng hợp của công nghệ hoặc cung cấp các máy móc, thiết bị, dịch vụ, đào tạo... kèm theo các kiến thức công nghệ cho bên mua và bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán để tiếp thu, sử dụng các kiến thức công nghệ đó theo các điều kiện đã thoả thuận và ghi nhận trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ.
2. "Bên giao" dùng để chỉ "Bên chuyển giao công nghệ" nêu tại Bộ luật Dân sự.
3. "Bên nhận" dùng để chỉ:
  - a) "Bên được chuyển giao công nghệ" nêu tại Bộ luật Dân sự.
  - b) "Người được chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp" nêu tại Điều 816 Bộ luật Dân sự.
4. Giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ là tổng số tiền Bên nhận phải trả cho Bên giao trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
5. "Bí quyết" là những kinh nghiệm, kiến thức, thông tin kỹ thuật quan trọng, mang tính chất bí mật được tích lũy, khám phá trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, có khả năng tạo ra những dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao, đem lại hiệu quả kinh tế lớn, có khả năng tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
6. Chuyển giao công nghệ trong nước là chuyển giao công nghệ trong lãnh thổ Việt Nam, trừ việc chuyển giao qua ranh giới khu chế xuất.
7. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là chuyển giao công nghệ từ ngoài biên giới quốc gia hoặc từ trong khu chế xuất của Việt Nam vào trong lãnh thổ Việt Nam.
8. Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài là chuyển giao công nghệ từ trong biên giới ra ngoài biên giới quốc gia Việt Nam hoặc chuyển giao vào trong khu chế xuất.

9. "Giá bán tịnh" được quy định đối với chuyển giao công nghệ trong nước và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là tổng giá bán sản phẩm hoặc dịch vụ mà trong quá trình tạo ra chúng có áp dụng công nghệ được chuyển giao, tính theo hóa đơn bán hàng trừ đi các khoản sau:

- a) Thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng;
- b) Chiết khấu thương mại;
- c) Chi phí đầy đủ cho việc mua các bán thành phẩm, bộ phận chi tiết, linh kiện từ bất kể nguồn cung cấp nào;
- d) Chi phí bao bì, chi phí đóng gói, chi phí vận tải, chi phí quảng cáo.

Các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện và các chi phí nêu tại mục c, d khoản này được xác định trong Hợp đồng tùy thuộc công nghệ và loại sản phẩm do công nghệ chuyển giao sản xuất ra.

10. "Ngày cấp giấy phép" nêu tại Điều 811 Bộ luật Dân sự là ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

### **Điều 3.** Điều kiện chuyển giao công nghệ

Các cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể khác có quyền chuyển giao công nghệ nêu tại Điều 807 Bộ luật Dân sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Bên giao là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ hoặc được quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
- 2. Công nghệ không vi phạm quy định nêu tại Điều 5 Nghị định này.

### **Điều 4.** Nội dung chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ bao gồm:

- 1. Chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa đang trong thời hạn được pháp luật Việt Nam bảo hộ và được phép chuyển giao.
- 2. Chuyển giao các bí quyết về công nghệ, kiến thức dưới dạng phương án công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, phần mềm máy tính (được chuyển giao theo Hợp

đồng chuyển giao công nghệ), thông tin dữ liệu về công nghệ chuyển giao (sau đây gọi tắt là các thông tin kỹ thuật) có kèm hoặc không kèm theo máy móc thiết bị.

3. Chuyển giao các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

4. Thực hiện các hình thức dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ để Bên nhận có được năng lực công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm và/hoặc dịch vụ với chất lượng được xác định trong Hợp đồng bao gồm:

a) Hỗ trợ trong việc lựa chọn công nghệ, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, vận hành thử các dây chuyền thiết bị nhằm áp dụng công nghệ được chuyển giao;

b) Tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao;

c) Đào tạo huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý của công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý để nắm vững công nghệ được chuyển giao.

5. Máy móc, thiết bị, phương tiện kỹ thuật kèm theo một hoặc một số nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

#### **Điều 5. Những công nghệ không được chuyển giao**

Những công nghệ không được chuyển giao theo quy định tại Điều 808 Bộ luật Dân sự bao gồm:

1. Những công nghệ không đáp ứng các yêu cầu trong các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn lao động, vệ sinh lao động, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

2. Những công nghệ có tác động và gây hậu quả xấu đến văn hóa, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội của Việt Nam.

3. Những công nghệ không đem lại hiệu quả kỹ thuật, kinh tế hoặc xã hội.

4. Công nghệ phục vụ lĩnh vực an ninh, quốc phòng khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

**Điều 6.** Bảo đảm quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp được chuyển giao không bị Bên thứ ba xâm phạm.

Quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp được chuyển giao bị Bên thứ ba xâm phạm được xử lý theo pháp luật về sở hữu công nghiệp.

**Điều 7.** Quyền phát triển công nghệ được chuyển giao

1. Bên nhận có quyền cải tiến, phát triển công nghệ được chuyển giao mà không phải thông báo cho Bên giao biết, trừ trường hợp trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ các Bên có thoả thuận khác.
2. Việc chuyển giao những cải tiến, phát triển đối với công nghệ đã được chuyển giao theo thoả thuận trong Hợp đồng đã được ký kết hoặc thông qua một Hợp đồng mới hoặc Hợp đồng bổ sung được các Bên giao kết Hợp đồng chuyển giao cho nhau trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

## CHƯƠNG II

### HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

#### **Điều 8.** Hình thức Hợp đồng

1. Mọi hoạt động chuyển giao công nghệ phải được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng bằng văn bản về chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) và tuân theo quy định của Nghị định này. Hợp đồng là cơ sở cho các Bên thực hiện các cam kết, bảo đảm tính pháp lý cho việc chuyển giao công nghệ, thanh toán và giải quyết tranh chấp.
2. Hợp đồng có thể được lập cho việc chuyển giao: một hoặc nhiều nội dung công nghệ quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Trong trường hợp Bên giao chuyển giao cho Bên nhận nhiều nội dung công nghệ thì việc chuyển giao các nội dung đó phải được lập chung trong một Hợp đồng.

Trong trường hợp Bên giao chuyển giao công nghệ kèm theo máy móc, thiết bị, phương tiện kỹ thuật thì trong Hợp đồng phải có danh mục các máy móc, thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

3. Trong Hợp đồng chuyển giao dây chuyền thiết bị sản xuất hoặc chuyển giao thiết bị toàn bộ hoặc thiết bị của một dự án đầu tư nếu có nội dung chuyển giao công nghệ thì phần chuyển giao công nghệ phải lập thành một phần riêng của Hợp đồng nhập thiết bị. Chi phí chuyển giao công nghệ phải được tính riêng (không nằm trong giá thiết bị) .

4. Trong trường hợp đã có Hợp đồng mà Bên giao và Bên nhận muốn chuyển giao bổ sung thêm hoặc thay đổi các nội dung Hợp đồng thì các Bên phải lập Hợp đồng bổ sung theo các quy định của Nghị định này.

#### **Điều 9.** Các đối tượng sở hữu công nghiệp trong chuyển giao công nghệ